

Ngày xuất: 01/06/2026 08:19

2.1.1 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số	Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Giáo dục mầm non 51140201		
1	Nguyễn Thị Nụ	15/01/1987	024187002593	Giáo dục học		Thạc sĩ	100	1	100
2	Nguyễn Đức Hiến Giang	14/12/1968	027068003004	Sư phạm Mỹ thuật		Thạc sĩ	100	1	100
3	Bế Thị Hạnh	29/09/1979	004179006784	Sư phạm Tiếng Trung Quốc		Thạc sĩ	100	1	100
4	Hoàng Bích Huệ	14/11/1982	004182005045	Sư phạm Âm nhạc		Thạc sĩ	100	1	100
5	Triệu Thị Bé Hoa	03/02/1980	004180005105	Sư phạm Tin học		Đại học	100	1	100
6	Lương Thi Thoa	11/09/1998	004198002448	Ngôn ngữ Trung Quốc		Đại học	100	1	100
7	Bế Thị Hoà	06/01/1976	004176000600	Giáo dục Chính trị		Thạc sĩ	100	1	100
8	Đặng Thùy Biên	29/06/1987	004187001082	Sư phạm Tiếng Trung Quốc		Thạc sĩ	100	1	100
9	Trần Thị Hải Ninh	13/06/1976	004176004813	Tâm lý học		Thạc sĩ	100	1	100
10	Nguyễn Thị Minh Chi	24/11/1975	004175000897	Sư phạm Ngữ văn		Thạc sĩ	100	1	100
11	Trịnh Văn Công	20/08/1980	019080000773	Giáo dục Thể chất		Thạc sĩ	100	1	100
12	Đỗ Thị Diễm	03/12/1973	004173000616	Sư phạm Ngữ văn		Thạc sĩ	100	1	100
13	Lương Văn Phước	03/08/1983	004083003181	Sư phạm Tiếng Trung Quốc		Thạc sĩ	100	1	100
14	Nguyễn Thị Huyền	09/04/1971	004171000645	Quản lý giáo dục		Thạc sĩ	100	1	100
15	Nguyễn Quỳnh Anh	08/02/1986	004186004923	Giáo dục Mầm non		Thạc sĩ	100	1	100
16	Nguyễn Thị Vân Chi	15/05/1980	004180000694	Giáo dục Chính trị		Thạc sĩ	100	1	100
17	Hoàng Khánh Lệ	13/05/1990	004190004026	Tâm lý học		Thạc sĩ	100	1	100
18	Dương Huyền Nhung	07/07/1984	004184001093	Sư phạm Toán học		Thạc sĩ	100	1	100
19	Phạm Thu Trang	28/10/1990	004190005503	Du lịch		Thạc sĩ	100	1	100
20	Nguyễn Thị Luyến	22/03/1990	019190002305	Giáo dục Mầm non		Thạc sĩ	100	1	100
21	Đinh Ngọc Lượng	17/06/1970	004070001179	Sư phạm Sinh học		Thạc sĩ	100	1	100
22	Đào Xuân Kiên	01/08/1979	030079008970	Giáo dục Chính trị		Thạc sĩ	100	1	100
23	Hứa Hạnh Duyên	25/11/1989	004189000532	Sư phạm Tiếng Anh		Thạc sĩ	100	1	100
24	Lô Thị Ánh Tuyết	28/11/1969	004169001178	Sư phạm Sinh học		Thạc sĩ	100	1	100
25	Nông Mỹ Hà	15/01/1989	004189001062	Quản lý giáo dục		Thạc sĩ	100	1	100
26	Lục Thị Trung Hải	27/12/1975	004175005521	Giáo dục Mầm non		Thạc sĩ	100	1	100
27	Đinh Thị Minh Hằng	22/11/1991	004191000709	Quản lý giáo dục		Thạc sĩ	100	1	100

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số	Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Giáo dục mầm non		
							51140201		
28	Trương Thị Thu Hương	18/05/1978	004178004386	Kinh tế giáo dục		Thạc sĩ	100	1	100
29	Sào Mùi Lưu	04/08/1989	004189007450	Sư phạm Tiếng Trung Quốc		Đại học	100	1	100
30	Hoàng Văn Tôn	18/11/1971	004071001284	Sư phạm Sinh học		Thạc sĩ	100	1	100
31	Lục Thị Thuý	02/10/1984	004184004435	Quản lý giáo dục		Thạc sĩ	100	1	100
32	Nông Thị Mai Sơn	14/09/1974	004174000952	Giáo dục Tiểu học		Thạc sĩ	100	1	100
33	Bế Thị Hoài	07/08/1977	004177000251	Giáo dục Mầm non		Thạc sĩ	100	1	100
34	Hoàng Thị Hồng Nhung	14/08/1988	004188011799	Sư phạm Âm nhạc		Thạc sĩ	100	1	100
35	Vũ Thị Ngọc Bích	10/06/1987	004187000807	Giáo dục Mầm non		Thạc sĩ	100	1	100
36	Nông Thị Kim Hoàn	26/02/1973	004173004104	Giáo dục Mầm non		Đại học	100	1	100
37	Trần Thị Thơ	31/01/1984	004184000954	Sư phạm Tiếng Trung Quốc		Thạc sĩ	100	1	100
38	Lê Thanh Tường	01/03/1980	004080001215	Sư phạm Toán học		Thạc sĩ	100	1	100
39	Nông Thị Thu Hà	05/05/1986	004186003644	Sư phạm Ngữ văn		Thạc sĩ	100	1	100

NGƯỜI LẬP BẢNG



Lê Thanh Tường

ĐT: 0912663454

Email: letuongsp@gmail.com

Cao Bằng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Ngọc Lượng